

Số: 328/TB-THADS.KV6

Nghệ An, ngày 28 tháng 04 năm 2026

THÔNG BÁO

Về kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thi hành án dân sự

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá:

Toàn bộ quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 1476 (tách từ thửa 804), tờ bản đồ số 15 – xã Đô Thành (nay là xã Đông Thành); địa chỉ thửa đất tại xóm Sung Yên, xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (nay là xã Đông Thành, tỉnh Nghệ An). Quyền sử dụng đất được UBND huyện Yên Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 19/11/2019 mang tên ông Lê Văn Tuấn và bà Lê Thị Dương, có số phát hành CS 740483; ngày 08/5/2020 chuyển nhượng cho ông Ngô Văn Dương và bà Nguyễn Thị Hồng theo hồ sơ số 006019 CN 001). Diện tích thửa đất: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có diện tích là 209m² (trong đó 20m² là diện tích quy hoạch mở đường không được xây dựng, coi nới nhà cửa hoặc các công trình khác khi chưa được cấp thẩm quyền cho phép) và 22m² là phần diện tích quy hoạch mở đường (nằm trong lưu không đường) không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không được xây dựng, coi nới nhà cửa hoặc các công trình khác.

2. Giá khởi điểm: Giá khởi điểm của hai tài sản đấu giá là: 3.472.240.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, bốn trăm bảy mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú – Chi nhánh Nghệ An; địa chỉ: Phòng 205, tầng 2, Tòa nhà VCCI Nghệ An, số 01, đại Lộ Lê Nin, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An. Tổng số điểm: 92 điểm.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không.

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú – Chi nhánh Nghệ An
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0	19,0
1.	<i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i>	<i>10,0</i>	<i>10,0</i>
1.1	<i>Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i>	<i>5,0</i>	<i>5,0</i>
1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện</i>	<i>5,0</i>	<i>5,0</i>
2.	<i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i>	<i>5,0</i>	<i>5,0</i>

2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0	4,0

3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	4,0	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0	2,0
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	4,0	4,0
IV	<i>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</i>	57,0	54,0
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12,0	
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13,0	
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	14,0	
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0	15,0
2.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0	7,0
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>	4,0	
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>	5,0	

2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0	
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0	
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0	
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0	
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0	3,0

4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$		
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$		
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0	5,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0	
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0	
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0	
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0	
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0	
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0	4,0

7.	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0	3,0
7.1	<i>Dưới 05 năm</i>	2,0	
7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	3,0	3,0
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>	4,0	
8.	<i>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0	5,0
8.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	3,0	
8.2	<i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	4,0	
8.3	<i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	5,0	5,0
9.	<i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá</i>	5,0	5,0

	trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.		
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0	
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0	
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0	3,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)	3,0	

2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó.	3,0	
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0	
4.	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này).	3,0	3,0
Tổng số điểm		100	92

Sau khi đánh giá, chấm điểm và do chỉ có 01 tổ chức hành nghề đấu giá là Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú – Chi nhánh Nghệ An gửi hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ đấu giá, vì vậy Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú – Chi nhánh Nghệ An là tổ chức hành nghề đấu giá được lựa chọn.

Chấp hành viên Thi hành án dân sự Nghệ An thông báo để các bên liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 -Nghệ An;
- Đường sự (để biết);
- Trang TTĐT THADS tỉnh Nghệ An;
- Cổng thông tin điện tử Cục QLTHADS;
- Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;
- Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú – Chi nhánh Nghệ An;
- Lưu: VT, HSTHA (CHV: Trần Văn Giang).



Trần Văn Giang

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH
NGHỆ AN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 327/TB-THADS.KV6

Nghệ An, ngày 28 tháng 04 năm 2026

THÔNG BÁO
Về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Bản án số 18/2022/DSST ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Bản án số 01/2023/DSST ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An và Bản án số 125/2024/DS-PT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số 71/QĐ-CCTHADS ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 10/QĐ-CCTHADS ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 2849/QĐ-THADS ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số 3920/QĐ-THADS ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 04/QĐ-CCTHADS ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định về việc sửa, bổ sung quyết định về thi hành án số 02/QĐ-THADS ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;

Căn cứ kết quả thẩm định giá theo chứng thư thẩm định giá số 034/2026/081/CT-AEC ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Công ty Cổ phần giám định và thẩm định Á Âu- Chi nhánh tại Nghệ An.

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An lựa chọn: Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú – Chi nhánh Nghệ An.

Địa chỉ tại: phòng 205, tầng 2, tòa nhà VCCI Nghệ An, số 01, đại lộ Lê Nin, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản các tài sản đã kê biên sau:

Toàn bộ quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 1476 (tách từ thửa 804), tờ bản đồ số 15 – xã Đô Thành (nay là xã Đông Thành); địa chỉ thửa đất tại xóm Sung Yên, xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (nay là xã Đông Thành, tỉnh Nghệ An). Quyền sử dụng đất được UBND huyện Yên Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 19/11/2019 mang tên ông Lê Văn Tuấn và bà Lê Thị Dương, có số phát hành CS 740483; ngày 08/5/2020 chuyển nhượng cho ông Ngô Văn Dương và bà Nguyễn Thị Hồng theo hồ sơ số 006019 CN 001). Diện tích thửa đất: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có diện tích là 209m² (trong đó 20m² là diện tích quy hoạch mở đường không được xây dựng, coi nơi nhà cửa hoặc các công trình khác khi chưa được cấp thẩm quyền cho phép) và 22m² là phần diện tích quy hoạch mở đường (nằm trong lưu không đường) không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không được xây dựng, coi nơi nhà cửa hoặc các công trình khác.

Vậy, thông báo để các bên liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Trang TTĐT THADS tỉnh Nghệ An;
- Cổng thông tin điện tử Cục QLTHADS;
- Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;
- Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú – Chi nhánh Nghệ An;
- Đường sự;
- Viện KSND khu vực 6 – Nghệ An;
- Lưu: VT, HSTHA (CHV: Trần Văn Giang).

CHẤP HÀNH VIÊN



Trần Văn Giang